

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị M, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số D khu nhà ở Q, đường M, tổ A, phường Đ (tên cũ là phường L), quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số D khu nhà ở Q, đường M, tổ A, phường Đ (tên cũ là phường L), quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

oà, V, Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2024 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Quách Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 02-02-2002. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc; hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả; dẫn đến sống ly thân, không còn quan tâm với nhau từ nhiều tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23-5-2002 và Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 11-01-2014. Khi ly hôn, chị M và anh T thống nhất giao con Nguyễn Ngọc Y cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn con Nguyễn Thảo V đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về việc kết hôn, về con, về mâu thuẫn. Anh muốn đoàn tụ, không muốn ly hôn. Trường hợp chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Y, phù hợp nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Y. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Không đề nghị giải quyết về tài sản chung. Thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân một phần do anh chú trọng công việc, đi làm thường ngày từ 07 giờ 30 phút đến 20 giờ làm công trình xa nhà, thiếu quan tâm, tình cảm với vợ, chăm sóc gia đình; mâu thuẫn kéo dài nhưng không có biện pháp thay đổi, cải thiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); các điều 19, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Quách Thị M được ly hôn

anh Nguyễn Trọng T. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Y cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn con Nguyễn Thảo V đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự tự thỏa thuận không xem xét giải quyết hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Chị Quách Thị M và anh Nguyễn Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện về Ly hôn đối với bị đơn cư trú tại quận K, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân quận Kiến An thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phù hợp quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị được giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử, phù hợp quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Theo xác minh tại gia đình và địa phương, thì chị Quách Thị M và anh Nguyễn Trọng T không có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ tình nghĩa vợ chồng tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "*...vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc của gia đình*", "*...Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung*". Xét, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc nguyên đơn có đơn xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn.

[4] Về con chung: Chị Quách Thị M và anh Nguyễn Trọng T có con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23-5-2002 và Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 11-01-2014. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất giao con Nguyễn Ngọc Y cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phù hợp nguyện vọng của con. Không yêu cầu toà án giải quyết đối với con Nguyễn Thảo V thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị M được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2014 cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quách Thị M và anh Nguyễn Trọng T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Quách Thị M và anh Nguyễn Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Quách Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004930 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, nên nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền;
- Lưu: TA, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh